

Số: 42/2026/CBTT-HHC
No: 42/2026/CBTT-HHC

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026
Hanoi, 31 March 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Pursuant to Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the securities market, Hai Ha Confectionery Joint Stock Company hereby discloses its 2025 annual financial statements to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

Organization information:

- Mã chứng khoán: HHC
Stock code: HHC
- Địa chỉ trụ sở chính: 25-27 đường Trương Định, phường Tương Mai, TP Hà Nội.

Address: 25 – 27 Truong Dinh Street, Tuong Mai Ward, Hanoi City

- Điện thoại/Tel: 024 3863 2956 Fax: 024 3863 8730
- Email: Website: <http://www.haihaco.com.vn/>

2. Nội dung công bố/Content of information disclosure:

- BCTC năm 2025:

2025 Annual Financial Statements

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Separate financial statements (applicable to listed companies without subsidiaries);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

Consolidated financial statements (applicable to listed companies with subsidiaries);

☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

Combined financial statements (applicable to companies with affiliated accounting units maintaining separate accounting systems);



- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

Cases requiring explanation:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

The audit firm issues an opinion other than an unqualified opinion on the financial statements (for reviewed/audited financial statements)

☐ Có/Yes ☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document (if any)

☐ Có/Yes ☒ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán trong năm 2025):

Profit after tax in the reporting period differs by 5% or more before and after audit, or changes from profit to loss or vice versa):

☒ Có/Yes ☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document (if any)

☒ Có/Yes ☐ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Profit after corporate income tax in the income statement changes by 10% or more compared to the same period of the previous year

☐ Có/Yes ☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document (if any)

☐ Có/Yes ☒ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở kỳ báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này và ngược lại:

Changes from profit in the same period of the previous year to a loss in the current period, or vice versa:

☐ Có/Yes ☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document (if any)

☐ Có/Yes ☒ Không/No

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2026 tại đường dẫn <https://www.haihaco.com.vn/vi/bao-cai-tai-chinh>

This information has been published on the Company's website on 31 March 2026 at the link <https://www.haihaco.com.vn/vi/bao-cai-tai-chinh>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025:

Report on transactions with a value of 35% or more of total assets in 2025:

- Nội dung giao dịch/ *Transaction details*: Không phát sinh / None
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất: Không phát sinh
The ratio of transaction value to total assets (%) based on the most recent financial statements: None
- Ngày hoàn thành giao dịch/ *Completion date of the transaction*: Không phát sinh / Not applicable

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the above disclosed information is true and accurate and take full legal responsibility for its content.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC UQ CBTT**
The authorized person for information disclosure



ĐỖ THỊ HỒNG THỦY



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HÀ HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Hà Nội, tháng 03 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà ("Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Hùng	Chủ tịch - Người đại diện theo Pháp luật
Ông Tăng Minh Vương	Thành viên
Bà Đỗ Thị Hồng Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phúc Lộc	Thành viên độc lập

Ban Giám đốc

Bà Nam Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18/07/2025)
----------------------	--

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Công ty



Hoàng Hùng
Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo Pháp luật
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Số: 123 /2026/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 31/03/2026, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như đã trình bày tại thuyết minh số 27 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính: Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch góp vốn hợp tác kinh doanh với các đối tác có quan hệ kinh tế/giao dịch thường xuyên. Số dư phải thu các hợp đồng hợp tác của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 495,5 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2025 là 465,5 tỷ đồng), tổng lợi nhuận phát sinh từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh phát sinh trong năm là 43,042 tỷ đồng. Các giao dịch về góp vốn này được thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định các hợp đồng hợp tác kinh doanh này tuân thủ các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc xác định giá trị hợp lý của các giao dịch, cam kết chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện các nội dung cũng như mục đích sử dụng vốn góp của các hợp đồng hợp tác kinh doanh và có biện pháp phòng ngừa tổn thất phát sinh (nếu có). Theo đó, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá không có bất kỳ tổn thất nào cần phải trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động hợp tác kinh doanh tại ngày 31/12/2025.
- Như đã trình bày tại thuyết minh số 17 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính: Ngày 30/06/2025, Hội đồng quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 82A/2025/HHC/NQ-HĐQT về việc sử dụng Quỹ đầu tư phát triển của Công ty để xử lý tài chính cho các khoản tạm ứng phát sinh trước năm 2022 với giá trị là 23.861.703.781 đồng theo quy định và chủ trương đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



Nguyễn Thương
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0308-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Hoàng Việt
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 4988-2024-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		594.591.767.583	698.745.833.466
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	57.544.668.509	64.834.713.056
1. Tiền	111		57.544.668.509	19.234.713.056
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	45.600.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		477.045.768.769	573.981.539.486
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	175.492.157.622	127.567.217.147
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		935.840.493	9.314.991.162
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	303.845.811.038	438.013.817.879
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.231.048.925)	(1.270.933.405)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.008.541	356.446.703
III. Hàng tồn kho	140		52.187.467.906	59.597.174.248
1. Hàng tồn kho	141	7	52.187.467.906	59.597.174.248
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.813.862.399	332.406.676
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	1.284.045.696	262.038.734
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		37.429.104	17.840.151
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	6.492.387.599	52.527.791
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		389.628.273.764	243.602.759.573
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		211.340.226.976	62.456.226.975
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	211.340.226.976	62.456.226.975
II. Tài sản cố định	220		126.432.930.952	137.972.343.419
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	125.381.723.962	137.532.375.689
- Nguyên giá	222		420.765.805.299	415.675.408.395
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(295.384.081.337)	(278.143.032.706)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.051.206.990	439.967.730
- Nguyên giá	228		2.476.266.580	1.242.819.280
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.425.059.590)	(802.851.550)
III. Tài sản dài hạn khác	260		51.855.115.836	43.174.189.179
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	51.855.115.836	43.174.189.179
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		984.220.041.347	942.348.593.039

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		319.525.278.064	301.100.448.414
I. Nợ ngắn hạn	310		317.583.165.199	299.191.735.549
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	48.677.520.657	19.139.900.795
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.782.026.584	1.776.545.663
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	11.042.261.795	10.791.995.173
4. Phải trả người lao động	314		20.842.622.162	22.633.201.580
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	38.360.155.762	12.523.712.813
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	15	3.371.974.672	26.558.826.531
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	21.628.604.494	20.292.253.381
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	157.249.616.067	175.278.434.197
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.628.383.006	10.196.865.416
II. Nợ dài hạn	330		1.942.112.865	1.908.712.865
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	1.942.112.865	1.908.712.865
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		664.694.763.283	641.248.144.625
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	664.694.763.283	641.248.144.625
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		164.250.000.000	164.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		164.250.000.000	164.250.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		33.502.910.000	33.502.910.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.656.202.300	3.656.202.300
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		413.175.543.518	392.785.590.599
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.110.107.465	47.053.441.726
- LNST chưa PPLK đến cuối năm trước	421a		2.801.785.026	2.801.785.026
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		47.308.322.439	44.251.656.700
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		984.220.041.347	942.348.593.039

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Người lập

Phụ trách phòng tài vụ

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Trương Thị Hà Vân

Cao Thị Ngọc Lan

Hoàng Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	768.243.548.500	818.031.591.431
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	68.465.063.394	45.780.538.273
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	699.778.485.106	772.251.053.158
4. Giá vốn hàng bán	11	20	543.652.924.292	602.660.072.061
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		156.125.560.814	169.590.981.097
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	44.353.603.192	81.836.153.107
7. Chi phí tài chính	22	22	10.222.910.208	46.365.056.738
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.800.959.335	46.182.872.715
8. Chi phí bán hàng	25	23	93.960.102.158	101.421.734.049
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	35.752.019.920	45.250.456.559
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.544.131.720	58.389.886.858
11. Thu nhập khác	31		240.680.009	284.263.608
12. Chi phí khác	32		1.319.526.944	1.493.832.431
13. Lợi nhuận khác	40		(1.078.846.935)	(1.209.568.823)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		59.465.284.785	57.180.318.035
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	12.156.962.346	12.928.661.335
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		47.308.322.439	44.251.656.700
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	2.880	2.694

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Người lập

Phụ trách phòng tài vụ

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Trương Thị Hà Vân

Cao Thị Ngọc Lan

Hoàng Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	59.465.284.785	57.180.318.035
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	17.974.230.161	17.343.755.453
- Các khoản dự phòng	03	2.316.562.223	1.270.933.405
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(68.095.045)	(130.278.126)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(43.581.546.760)	(80.463.992.597)
- Chi phí lãi vay	06	9.800.959.335	11.589.819.907
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	45.907.394.699	6.790.556.077
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(76.233.025.808)	793.085.059.498
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	7.409.706.342	35.670.704.145
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	37.101.352.458	(878.324.697.921)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(9.702.933.619)	2.908.339.239
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.661.182.778)	(11.653.248.786)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.354.463.774)	(11.064.131.960)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.568.482.410)	(2.428.903.396)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(18.101.634.890)	(65.016.323.104)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.132.703.744)	(2.717.603.950)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	55.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.992.845.802	94.802.736.005
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	28.860.142.058	92.140.132.055
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	452.718.687.634	614.714.965.239
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(470.747.505.764)	(588.808.880.920)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.028.818.130)	25.906.084.319
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(7.270.310.962)	53.029.893.270
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	64.834.713.056	11.713.871.251
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(19.733.585)	90.948.535
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	57.544.668.509	64.834.713.056

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Người lập

Phụ trách phòng tài vụ

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Trương Thị Hà Vân

Cao Thị Ngọc Lan

Hoàng Hùng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003614 ngày 20/01/2004; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101444379 thay đổi lần thứ 8 ngày 06/04/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 164.250.000.000 đồng tương ứng với 16.425.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HHC.

Số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 975 người (tại ngày 31/12/2024 là 1.064 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm, đồ uống như bánh, kẹo, đường, sữa, cà phê, đồ uống không cồn, nước khoáng,...;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đầu tư xây dựng, cho thuê văn phòng, nhà ở, trung tâm thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty tại số 25 - 27 đường Trương Định, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc Công ty bao gồm:

	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
A	Các đơn vị hạch toán chung (xác định kết quả kinh doanh cùng Văn phòng Công ty)		
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà 1	Đường Lạc Long Quân, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ	
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà 2	Số 3, đường Thanh Bình, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình.	
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà	Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh - Số 3, đường 8, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.	
B	Các đơn vị có tổ chức hạch toán kế toán (có xác định kết quả kinh doanh của đơn vị)		
1	Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	202 Lý Chính Thắng, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh.	Hỗ trợ tổng thầu phân phối sản phẩm của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà
2	Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Số 134 đường Phan Thanh, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.	Phân phối sản phẩm của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thông tin về thay đổi Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và một số thông tư liên quan khác. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026. Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư 99 đối với số liệu sổ kế toán và số liệu Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 01/01/2026 được thực hiện theo hướng dẫn chuyển đổi số dư trên sổ kế toán và điều khoản chuyển tiếp quy định tại Thông tư 99 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót".

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến luồng tiền).

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở cộng báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và báo cáo tài chính của các Chi nhánh có tổ chức hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính sau khi bù trừ số dư các khoản công nợ nội bộ, doanh thu và chi phí và các khoản điều chuyển nội bộ.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.5. Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản,...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên và các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn phù hợp với các quy định của chế độ kế toán hiện hành.

4.6. Các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

BCC là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế. Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận hạch toán là nợ phải trả.

Đối với trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế, các bên phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế.

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí bảo hiểm, chi phí trả trước tiền thuê đất tại khu công nghiệp Tân Tạo và khu Công nghiệp VSIP - Bắc Ninh, chi phí sửa chữa, công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước khác, trong đó:

- Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn bảo hiểm.
- Chi phí trả trước tiền thuê đất được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê.
- Chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 36 tháng kể từ thời điểm phát sinh.

4.9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính; riêng một số tài sản cố định thuộc nhóm máy móc, thiết bị và nhóm phương tiện vận tải được tính theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị các chương trình phần mềm về quản lý và kế toán. Các chương trình phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

4.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh về chuyển đổi ngoại tệ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm khoản nợ còn phải trả do đã nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa có hóa đơn hoặc các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh cần phải được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp thực tế của cổ đông, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc tạm trích theo Điều lệ Công ty và được trích lập bổ sung/điều chỉnh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4.14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, lãi từ các khoản đầu tư; lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá,...

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: lãi tiền vay; chiết khấu thanh toán; lỗ chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ (ngoại trừ chi phí đi vay đã được vốn hóa);
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

4.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	35.498.895	99.377.642
Tiền gửi ngân hàng	57.509.169.614	19.135.335.414
Các khoản tương đương tiền	-	45.600.000.000
Cộng	57.544.668.509	64.834.713.056

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
IMPACT Co., Ltd (Shine Win Trading)	1.178.137.216	5.098.263.873
Công ty Cổ phần ACI Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Tam Ba	419.785.008	11.225.779.780
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	84.062.027.419	55.553.946.284
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Hải Hà	60.770.879.435	-
Các khách hàng khác	19.061.328.544	45.689.227.210
Cộng	175.492.157.622	127.567.217.147

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	1.250.684.270	-	952.966.280	-
Nguyên liệu, vật liệu	41.503.670.489	-	40.501.839.864	-
Công cụ, dụng cụ	88.798.259	-	77.331.044	-
Thành phẩm	9.252.736.495	-	16.079.936.898	-
Hàng hoá	91.578.393	-	1.985.100.162	-
Cộng	52.187.467.906	-	59.597.174.248	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	1.284.045.696	262.038.734
Chi phí bảo hiểm	311.444.044	221.045.228
Công cụ dụng cụ	662.484.889	13.500.000
Các khoản chi phí trả trước khác	310.116.763	27.493.506
Dài hạn	51.855.115.836	43.174.189.179
Chi phí thuê đất tại KCN VSIP Bắc Ninh	38.930.011.057	40.190.738.198
Chi phí thuê đất tại KCN Tân Tạo (Tp. Hồ Chí Minh)	1.978.863.072	2.060.112.012
Chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ	10.877.841.797	-
Các khoản chi phí trả trước khác	68.399.910	923.338.969
Cộng	53.139.161.532	43.436.227.913

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	303.845.811.038	-	438.013.817.879	-
Tạm ứng	300.356.004	-	24.076.728.130	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa (1)	195.000.000.000	-	231.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh	-	-	40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát triển Zeta	-	-	43.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị (2)	89.500.000.000	-	89.500.000.000	-
Lợi nhuận từ hợp tác đầu tư	18.990.674.658	-	10.401.973.700	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh	-	-	2.262.443.836	-
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát triển Zeta	-	-	2.432.127.124	-
- Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị (2)	8.530.085.616	-	5.707.402.740	-
- Công ty TNHH Amber Finance (3)	5.847.534.247	-	-	-
- Công ty Cổ phần Phương Mai (4)	4.613.054.795	-	-	-
Các khoản phải thu khác	54.780.376	-	35.116.049	-
Dài hạn	211.340.226.976	-	62.456.226.975	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa (1)	50.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Amber Finance (3)	90.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Phương Mai (4)	71.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Kinh Doanh Reina	-	-	62.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	340.226.976	-	456.226.975	-
Cộng	515.186.038.014	-	500.470.044.854	-

- (1) Là khoản góp vốn hợp tác với Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh trong lĩnh vực phân phối hàng tiêu dùng, phát triển chuỗi nhà hàng. Lợi nhuận chia cho Hải Hà được quy định trong từng hợp đồng dựa trên số tiền Hải Hà đã góp vốn.
- (2) Là khoản góp vốn hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị để cùng khai thác kinh doanh Dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá tại xã Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị theo hợp đồng số 1303/2023/HĐHTĐT/QAQT-HHC ngày 13/03/2023 và các phụ lục kèm theo. Lợi nhuận từ việc hợp tác là 12,65%/năm trên số tiền Công ty đã góp vốn.
- (3) Là khoản góp vốn hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Amber Finance để đầu tư "Dự án căn hộ chung cư cao cấp Thái Bình Plaza" tại Quận 2, TP Hồ Chí Minh. Công ty được hưởng lợi tức 8,5% trên số vốn đã góp. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, hai bên đã thanh lý và thu hồi toàn bộ gốc và lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư này.
- (4) Là khoản góp vốn hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Phương Mai để đầu tư "Khu du lịch Dốc Lết - Phương Mai" tại phường Đồng Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Công ty được hưởng lợi tức 8,5% trên số vốn đã góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2025	153.342.171.638	240.760.223.288	20.054.133.615	1.518.879.854	415.675.408.395
Mua sắm trong năm	432.136.940	2.104.227.900	2.359.259.258	305.746.296	5.201.370.394
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(110.973.490)	(110.973.490)
Tại ngày 31/12/2025	153.774.308.578	242.864.451.188	22.413.392.873	1.713.652.660	420.765.805.299
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2025	82.791.149.461	177.574.267.998	17.261.814.328	515.800.919	278.143.032.706
Khấu hao trong năm	4.860.533.364	11.111.993.415	925.283.616	454.211.726	17.352.022.121
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(110.973.490)	(110.973.490)
Tại ngày 31/12/2025	87.651.682.825	188.686.261.413	18.187.097.944	859.039.155	295.384.081.337
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	70.551.022.177	63.185.955.290	2.792.319.287	1.003.078.935	137.532.375.689
Tại ngày 31/12/2025	66.122.625.753	54.178.189.775	4.226.294.929	854.613.505	125.381.723.962
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	48.009.652.325	108.510.480.714	12.818.208.901	128.082.728	169.466.424.668

Một số TSCĐ hữu hình của Công ty đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại theo Thuyết minh số 13.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	39.073.285.990	39.073.285.990	9.640.665.164	9.640.665.164
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ vận tải Kinh Bắc	1.256.575.053	1.256.575.053	1.987.333.057	1.987.333.057
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Minh Phương Nam Hà Nội	-	-	2.550.144.411	2.550.144.411
Các nhà cung cấp khác	8.347.659.614	8.347.659.614	4.961.758.163	4.961.758.163
Cộng	48.677.520.657	48.677.520.657	19.139.900.795	19.139.900.795

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2025	
	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.677.258.614	11.909.322.153	13.048.284.707	3.538.296.060				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(7.560.322)	735.082.582	735.082.582	(7.560.322)				
Thuế xuất, nhập khẩu	-	16.487.165	16.487.165	-				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.005.696.035	12.734.605.016	11.354.463.774	7.385.837.277				
Thuế thu nhập cá nhân	75.934.242	1.074.652.419	1.034.658.163	115.928.498				
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	(44.967.469)	(2.702.171.435)	3.737.688.373	(6.484.827.277)				
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	33.106.282	397.262.478	428.168.800	2.199.960				
Cộng	10.739.467.382	24.165.240.378	30.354.833.564	4.549.874.196				

Trong đó:

- Phải thu Nhà Nước	52.527.791	6.492.387.599
- Phải nộp Nhà Nước	10.791.995.173	11.042.261.795

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HẢ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẤU SỐ B09 - DN

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Số có khả năng trả nợ		Giảm		Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị VND	VND	Tăng VND	VND	Giá trị VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (1)	123.211.786.231	123.211.786.231	352.626.375.021	318.590.545.185	157.247.616.067	157.247.616.067
Ngân hàng TMCP Quân đội (2)	52.064.647.966	52.064.647.966	100.092.312.613	152.156.960.579	-	-
Vay cá nhân	2.000.000	2.000.000	-	-	2.000.000	2.000.000
Cộng	175.278.434.197	175.278.434.197	452.718.687.634	470.747.505.764	157.249.616.067	157.249.616.067

Thông tin về các hợp đồng vay của Công ty như sau:

Ngân hàng	Hợp đồng vay	Hạn mức	Mục đích vay	Thời hạn	Tài sản đảm bảo
(1) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thăng Long	Số 2020225055597/2024 ngày 20/11/2024.	300 tỷ VND	Bổ sung vốn lưu động	Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 23/09/2026	Quyền tài sản và các công trình xây dựng, các khoản lợi thu từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất của Công ty tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh tại phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
	Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 23/09/2025			Thời hạn vay tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân	
(2) Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	Số 210417.24.051.33450.TD ngày 10/06/2024	100 tỷ VND	Bổ sung vốn lưu động	Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 06/05/2025 Thời hạn vay tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân	Bất động sản là Văn phòng chi nhánh Đà Nẵng tại 134 đường Phan Thanh, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	499.643.076	359.866.519
Trích trước chi phí vận chuyển	599.881.198	822.921.057
Trích trước chi phí bán hàng	5.442.955.836	4.981.540.896
Trích trước chi phí quảng cáo	-	81.516.889
Trích trước chiết khấu thương mại	30.276.902.818	4.138.616.753
Các khoản trích trước khác	1.540.772.834	2.139.250.699
Cộng	38.360.155.762	12.523.712.813

15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện tại ngày 31/12/2025 của Công ty bao gồm 2.173.022.834 đồng doanh thu chưa thực hiện tương ứng với giá trị hàng hóa khuyến mại Công ty ước tính còn phải trả cho khách hàng theo các chương trình bán hàng trong năm 2025. Công ty thực hiện việc xuất trả lượng hàng khuyến mại này trong quý I năm 2026.

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	21.628.604.494	20.292.253.381
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	4.905.448.507	3.722.340.631
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	106.000.000	106.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	16.436.912.750	16.436.912.750
Các khoản phải trả, phải nộp khác	180.243.237	27.000.000
Dài hạn	1.942.112.865	1.908.712.865
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.942.112.865	1.908.712.865
Cộng	23.570.717.359	22.200.966.246

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KEO HẢI HÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B09 - DN

17.
VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		LNST chưa phân phối		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Tại ngày 01/01/2024	164.250.000.000		33.502.910.000		3.656.202.300		345.688.716.262		52.377.442.223		599.475.270.785	
Lãi trong năm	-		-		-		-		44.251.656.700		44.251.656.700	
Phân phối lợi nhuận	-		-		-		47.096.874.337		(49.575.657.197)		(2.478.782.860)	
Tại ngày 01/01/2025	164.250.000.000		33.502.910.000		3.656.202.300		392.785.590.599		47.053.441.726		641.248.144.625	
Lãi trong năm	-		-		-		-		47.308.322.439		47.308.322.439	
Phân phối lợi nhuận (1)	-		-		-		44.251.656.700		(44.251.656.700)		-	
Giảm khác (2)	-		-		-		(23.861.703.781)		-		(23.861.703.781)	
Tại ngày 31/12/2025	164.250.000.000		33.502.910.000		3.656.202.300		413.175.543.518		50.110.107.465		664.694.763.283	

(1) Công ty trích Quỹ đầu tư phát triển số tiền 44.251.656.700 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 28/04/2025.

(2) Ngày 30/06/2025, Hội đồng quản trị Công ty ban hành nghị quyết số 82A/2025/HHC/NQ-HĐQT về việc sử dụng Quỹ đầu tư phát triển của Công ty để xử lý tài chính các khoản tạm ứng phát sinh trước năm 2022 với giá trị là 23.861.703.781 đồng, việc này được thực hiện theo quy định và chủ trương đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua.

Chi tiết cổ đông của Công ty

	31/12/2025		01/01/2025	
	Số lượng cổ phiếu	Tỉ lệ	Số lượng cổ phiếu	Tỉ lệ
Ông Lưu Văn Vũ	3.942.000	24,00%	3.942.000	24,00%
Bà Trương Thị Bửu	3.942.000	24,00%	3.942.000	24,00%
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	3.000.000	18,26%	3.000.000	18,26%
Các cổ đông khác	5.541.000	33,74%	5.541.000	33,74%
Cộng	16.425.000	100,00%	16.425.000	100,00%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	164.250.000.000	164.250.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	164.250.000.000	164.250.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.425.000	16.425.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.425.000	16.425.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.425.000	16.425.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.425.000	16.425.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.425.000	16.425.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phiếu		

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
- Đô la Mỹ (USD)	111.597,82	524.163,17

Công nợ tạm ứng đã xử lý tài chính

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tạm ứng	23.861.703.781	-
Cộng	23.861.703.781	-

19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	748.901.956.021	796.575.033.116
Doanh thu bán hàng hóa	2.009.556.376	5.864.555.712
Doanh thu cung cấp dịch vụ, khác	17.332.036.103	15.592.002.603
Cộng	768.243.548.500	818.031.591.431
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu thương mại	52.645.424.556	37.021.749.624
- Hàng bán bị trả lại	15.819.638.838	8.758.788.649
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	699.778.485.106	772.251.053.158

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	541.978.404.871	598.999.588.548
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.674.519.421	3.660.483.513
Cộng	543.652.924.292	602.660.072.061

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, lãi hợp tác đầu tư	43.581.546.760	80.869.563.102
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	769.335.234	130.278.126
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	2.721.198	836.311.879
Cộng	44.353.603.192	81.836.153.107

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay, lãi hợp tác đầu tư	9.800.959.335	46.182.872.715
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	421.950.873	182.184.023
Cộng	10.222.910.208	46.365.056.738

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí bán hàng	93.960.102.158	101.421.734.049
Chi phí nhân viên	61.621.435.214	61.617.891.735
Chi phí vật liệu, bao bì	1.391.236.984	1.331.831.127
Chi phí khấu hao tài sản cố định	724.717.189	477.701.532
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.905.964.102	25.224.229.042
Chi phí khác	3.316.748.669	12.770.080.613
Chi phí quản lý doanh nghiệp	35.752.019.920	45.250.456.559
Chi phí nhân viên	12.863.104.852	12.256.246.564
Chi phí vật liệu quản lý	1.318.281.532	603.877.208
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.149.019.674	855.503.980
Thuế, phí và lệ phí	(2.693.955.377)	7.122.822.277
Dự phòng phải thu khó đòi	2.316.562.223	1.270.933.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.299.502.090	22.265.951.952
Chi phí khác	499.504.926	875.121.173
Cộng	129.712.122.078	146.672.190.608

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	451.207.466.395	478.622.664.617
Chi phí nhân viên	140.995.876.188	140.606.704.393
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.089.639.366	17.343.755.453
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.819.845.028	69.403.354.697
Chi phí khác	1.122.298.218	20.768.024.063
Dự phòng phải thu khó đòi	2.316.562.223	1.270.933.405
Cộng	682.551.687.418	728.015.436.628

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	59.465.284.785	57.180.318.035
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.319.526.944	3.903.696.846
Thu nhập chịu thuế	60.784.811.729	61.084.014.881
- Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp năm hiện hành	12.156.962.346	12.216.802.976
Thuế TNDN phải nộp bổ sung của các năm trước	-	711.858.359
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.156.962.346	12.928.661.335

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	47.308.322.439	44.251.656.700
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu	47.308.322.439	44.251.656.700
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	16.425.000	16.425.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.880	2.694

27. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC

Công ty thực hiện góp vốn hợp tác kinh doanh với một số đối tác có quan hệ kinh tế/giao dịch thường xuyên nhằm tối đa hóa việc sử dụng vốn lưu động của Công ty. Các giao dịch về góp vốn hợp tác kinh doanh này được thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định các hợp đồng hợp tác kinh doanh này tuân thủ các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc xác định giá trị hợp lý của các giao dịch, cam kết chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện các nội dung cũng như mục đích sử dụng vốn góp của các hợp đồng hợp tác kinh doanh và có biện pháp phòng ngừa tổn thất phát sinh (nếu có). Theo đó, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá không có bất kỳ tổn thất nào cần phải trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động hợp tác kinh doanh tại ngày 31/12/2025. Chi tiết các giao dịch như sau:

Góp vốn thực hiện các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Đối tác	Số dư vốn góp hợp tác kinh doanh tại 01/01/2025	Vốn góp hợp tác kinh doanh phát sinh trong năm 2025	Vốn góp hợp tác kinh doanh đã thu hồi trong năm 2025	Số dư vốn góp hợp tác kinh doanh tại 31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Góp vốn thực hiện các hợp đồng hợp tác kinh doanh				
Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại MESA	231.000.000.000	14.000.000.000	-	245.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát triển Zeta	43.000.000.000	-	43.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị	89.500.000.000	-	-	89.500.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Kinh Doanh Reina	62.000.000.000	-	62.000.000.000	-
Công ty TNHH Amber Finance	-	90.000.000.000	-	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Phương Mai	-	71.000.000.000	-	71.000.000.000
Cộng	465.500.000.000	175.000.000.000	145.000.000.000	495.500.000.000

Đối tác	Số dư lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh còn phải thu tại 01/01/2025	Lợi nhuận ghi nhận trong năm 2025	Lợi nhuận đã thu trong năm 2025	Số dư lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh còn phải thu tại 31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận từ các hợp đồng hợp tác				
Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại MESA	-	17.878.232.877	17.878.232.877	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh	2.262.443.836	1.001.095.890	3.263.539.726	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát triển Zeta	2.432.127.124	1.019.806.849	3.451.933.973	-
Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị	5.707.402.740	11.321.750.000	8.499.067.124	8.530.085.616
Công ty TNHH Dịch vụ và Kinh Doanh Reina	-	1.360.602.740	1.360.602.740	-
Công ty TNHH Amber Finance	-	5.847.534.247	-	5.847.534.247
Công ty Cổ phần Phương Mai	-	4.613.054.795	-	4.613.054.795
Cộng	10.401.973.700	43.042.077.398	34.453.376.440	18.990.674.658

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại Mesa như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	396.167.266.411	437.655.328.481
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	184.781.949.140	98.240.558.094
- Chiết khấu thương mại	48.567.892.738	26.601.628.649

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có phát sinh giao dịch với bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Tam Ba	Liên quan tới cổ đông lớn của Công ty (bà Trương Thị Bửu)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà	Bà Đỗ Thị Hồng Thủy là thành viên HĐQT, Ông Hoàng Hùng là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty này.

Giao dịch với bên liên quan

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Tam Ba		
- Mua hàng hóa, dịch vụ	240.309.723	-
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	399.488.433	118.974.159
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà		
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	8.150.879.062	10.469.769.047
- Chiết khấu thương mại	-	62.809.468
- Hàng bán bị trả lại	68.263.560	63.117.733

Số dư với bên liên quan

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Tam Ba	419.785.008	11.225.779.780
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà	77.392.707	227.602.461
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Tam Ba	259.534.500	-

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Hoàng Hùng	Chủ tịch HĐQT	162.000.000	120.000.000
Ông Tăng Minh Vương	Thành viên HĐQT	162.000.000	120.000.000
Bà Nguyễn Thị Phúc Lộc	Thành viên HĐQT	162.000.000	120.000.000
Bà Đỗ Thị Hồng Thủy	Thành viên HĐQT	162.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm)	-	152.577.808
Bà Nam Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm)	457.465.703	855.068.376
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm)	-	180.669.630
Cộng		1.105.465.703	1.668.315.814

29. THÔNG TIN KHÁC

Thù lao của Ban kiểm soát Công ty đã chi trả trong năm:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Bà Nguyễn Ngô Thị Trúc My	Trưởng Ban kiểm soát	27.000.000	-
Bà Đoàn Thị Thu Linh	Trưởng Ban kiểm soát (Đã miễn nhiệm)	54.000.000	152.700.000
Ông Đinh Nho Liêm	Thành viên BKS	81.000.000	60.000.000
Bà Đinh Thị Thanh Tâm	Thành viên BKS	81.000.000	60.000.000
Ông Bùi Tuấn Anh	Thành viên BKS (Đã miễn nhiệm)	-	30.000.000
Cộng		243.000.000	302.700.000

30. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Người lập

Phụ trách phòng tài vụ

Chủ tịch Hội đồng quản trị






Trương Thị Hà Vân

Cao Thị Ngọc Lan

Hoàng Hùng